TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HS-ST
Ngày: 12 – 01 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Ông Nguyễn Thanh Tiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thảo Ng (Heo), sinh ngày 19/9/1993 tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; Nơi đăng ký HKTT: Khóm 3, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Khóm Mỹ Chánh, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Nguyễn Thanh M và bà Nguyễn Thị Tr; chị em ruột có 02 người bị cáo là người thứ nhất; chồng Nguyễn Hữu Sang đã ly hôn; Con có 02 người, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng, gồm:

1. Bị cáo: Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh năm 1993. Địa chỉ: Khóm MC, phường VM, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

2. Bị hại: Lê Thị N, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp KM, xã KH, huyện CP tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khóm MC, phường VM, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khóm MC, phường VM, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

4. Những người làm chứng:

- Bà Lê Thị Thanh V, sinh năm 1999;

- Ông Trần Thanh L, sinh năm 1980;

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996;

- Bà Lê Thị B, sinh năm 1959.

Nguyễn Thị Thảo Ng, Nguyễn Thị Tr có mặt; Lê Thị N, Nguyễn Thanh M, Lê Thị Thanh V, Trần Thanh L, Nguyễn Văn Q, Lê Thị B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 11/4/2022, do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Thị Thảo Ng điều khiển xe mô tô biển số 52X2-9367 chở con ruột tên Nguyễn Ngọc Như Ý sinh ngày 08/8/2019 từ nhà đến xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú để tìm tài sản giật lấy bán tiêu xài cá nhân. Khi đến khu vực ấp Khánh Mỹ, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú thì phát hiện Lê Thị N đang dẫn xe đạp ngồi phía sau là con ruột tên Lê Nhật Linh sinh ngày 04/11/2018, phía trước giỏ (rổ) xe có để 01 túi xách, bên trong có số tiền 1.115.000 đồng, 80 tờ vé số kiến thiết (đài Đồng Tháp) và 01 điện thoại di động OPPO 5G, nên Ng điều khiển xe mô tô chạy đến song song với xe của N, dùng tay trái chòm qua giật lấy túi xách trên xe của N, rồi tăng ga điều khiển xe bỏ chạy. Trên đường đi, Ng lục bên trong túi xách lấy tiền và vé số, còn điện thoại di động và túi xách Ng ném bỏ dọc đường. Sau đó, Ng điều khiển xe đến khu vực quán *"Little Sài Gòn"* thuộc khóm Châu Thới 3, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc lấy vé số bán lại cho một người phụ nữ (không rõ họ tên, địa chỉ) được 300.000đ, số tiền có được Ng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi sự việc xảy ra, N đến Công an xã Khánh Hòa trình báo sự việc.

Bị hại Lê Thị N trình bày: Số tài sản bị mất gồm 01 túi xách bên trong có số tiền 1.115.000đ, 80 tờ vé số kiến thiết đài Đồng Tháp mở ngày 11/4/2022 và 01 điện thoại di động OPPO 5G. Vé số N mua vào ngày 10/4/2022 của Nguyễn Văn Tuấn tổng số 170 tờ đã bán được 90 tờ còn lại 80 tờ, còn điện thoại di động là của Lê Thị Thanh V (cháu ruột) cho. Hiện, N đã nhận số tiền 1.000.000đ do Nguyễn Thị Thảo Ng bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh M (cha của Nguyễn Thị Thảo Ng) trình bày: Ngày 16/01/2019, ông có mua xe mô tô biển số 52X2-9367 giấy chứng nhận đăng ký xe tên Trần Thị Hương tại cửa hàng cầm đồ Minh Quân với giá 2.500.000đ. Sau khi mua ông không làm thủ tục sang tên.

Ngày 11/4/2022, Ng mượn xe đi mua đồ ăn sáng, ông không biết việc Ng dùng xe mô tô đi cướp giật tài sản. Ông không có yêu cầu gì, tùy pháp luật xử lý.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tr (mẹ ruột của Nguyễn Thị Thảo Ng) trình bày: Sau khi sự việc xảy ra bà đã bồi thường cho bị hại Lê Thị N số tiền 1.000.000 đồng và không yêu cầu Nguyễn Thị Thảo Ng trả lại.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q (chủ cửa hàng cầm đồ "*Minh Quân*"), trình bày: Ngày 16/01/2019, Quân có bán xe mô tô biển số 52X2-9367 giấy chứng nhận đăng ký xe tên Trần Thị Hương cho M với giá 2.500.000đ, chưa làm thủ tục sang tên.

Những người làm chứng Lê Thị Thanh V, Trần Thanh L, Lê Thị B trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 11/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Phú, kết luận: 80 tờ vé số mệnh giá 10.000đ đài Đồng Tháp, trị giá: 800.000đ; 01 điện thoại di động OPPO 5G, màu trắng, trị giá: 250.000đ; 01 cặp da màu cà phê sữa, kích thước 20x30 cm quay đeo: Tài sản chưa thu hồi lại được, tài liệu, thông tin cung cấp về tài sản không đầy đủ. Không đủ cơ sở để định giá. Tổng trị giá: 1.050.000đ *(Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)*

Bản kết luận giám định số 94/KL-KTHS(KT-GT) ngày 16/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, kết luận: Xe mô tô biển số 52X2-9367 số khung không bị đục sửa, không bị cắt hàn, không bị hoen gỉ, không bị tẩy xóa. Số máy bị hoen gỉ.

Tại bản Cáo trạng số: 01/CT-VKS.CP ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thảo Ng về tội ***"Cướp giật tài sản"***, theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Thị Thảo Ng thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung nêu trên; Bị cáo thống nhất với kết luận định giá tài sản, giám định; Số tiền bị cáo chiếm đoạt được trên thực tế là 1.115.000đ tiền mặt và tiền bán vé số được 300.000đ bị cáo đưa cho bà Nguyễn Thị Tr 1.400.000đ trả tiền thuê nhà, còn lại 15.000đ bị cáo tiêu xài cá nhân; bị cáo tranh luận và nói lời nói sau cùng xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo do bị cáo còn nuôi ngoại đã 90 tuổi, nuôi hai con còn nhỏ, cha mẹ bị đau khớp, bị cáo là lao động chính trong nhà.

Bà Nguyễn Thị Tr trình bày: Bà có nhận của Nguyễn Thị Thảo Ng 1.400.000đ nhưng bà không biết tiền gì, hôm nay bà biết là tiền do Nguyễn Thị Thảo Ng cướp giật của bà Lê Thị N nên bà đồng ý nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 1.000.000đ mà bà đã thay mặt Nguyễn Thị Thảo Ng bồi thường cho bị hại Lê Thị N là tiền của bà, bà không yêu cầu Nguyễn Thị Thảo Ng trả lại

cho bà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú trình bày lời luận tội, giữ Ng truy tố như Cáo trạng.

- Đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

+ Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thảo Ng từ 03 năm đến 04 năm tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho ông Nguyễn Thanh M 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát số 52X-9367, nhãn hiệu GUIDA, màu đen, số máy FMH-048217, số khung UM5X-048217 (xe không chìa khóa, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Thị Hương của xe 52X2-9367;

Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/01/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Buộc bà Nguyễn Thị Tr nộp 1.400.000đ vào ngân sách nhà nước;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thảo Ng nộp 15.000đ vào ngân sách nhà nước.

+ Về trách nhiệm dân sự: bị hại Lê Thị N không yêu cầu bồi thường thiệt hại, bà Ng Thị Tr không yêu cầu Nguyễn Thị Thảo Ng trả lại tiền nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về quyền kháng cáo, án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền: Bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản bị truy tố theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; hành vi được thực hiện tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy tại Điều 268 và Điều 269 Bộ luật Tố tụng

hình sự.

[3] Đối với người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy rằng người làm chứng Lê Thị Thanh V, Trần Thanh L, Nguyễn Văn Q, Lê Thị B, bị hại Lê Thị N, người có quyền, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh M vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[4] Về nội dung vụ án:

Qua tranh tụng tại phiên tòa và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định vào 11/4/2022 bị cáo Nguyễn Thị Thảo Ng đã có hành vi sử dụng xe mô tô áp sát vào xe đạp của bị hại đang dắt bộ để giật túi sách của bị hại Lê Thị N.

HĐXX thấy rằng, bị cáo Ng là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là rất nguy hiểm có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của người khác nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp sự nguy hiểm đó. Để thực hiện hành vi của mình bị cáo đã sử dụng xe mô tô áp sát bị hại đang dắt bộ xe đạp trên đường và nhanh chóng giật túi sách của bị hại rồi tẩu thoát để mặc hậu quả ra sao thì ra, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại tổng giá trị là 2.165.000đ. Bị cáo đã sử dụng xe mô tô với mục đích nhằm nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của bị hại và nhanh chóng tẩu thoát đây là một thủ đoạn nguy hiểm có khả năng rất cao gây thiệt đến sức khỏe, tính mạng của bị hại, những người khác và đối với bị cáo. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền nhân thân, quyền sở hữu của người khác, gây nguy hiểm cho xã hội, đã cấu thành tội *"Cướp giật tài sản"* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 171 Bộ luật Hình sự quy định: Tội cướp giật tài sản:

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) ...;

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ.

[5] Các tình tiết tăng năng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: HĐXX thấy rằng, quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo

đã tự nguyện bồi thường 1.000.000đ cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có hai con còn rất nhỏ, một đứa sinh năm 2017 và một đứa sinh năm 2019 phải trực tiếp nuôi dưỡng nên được xem xét là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo:

Việc sử dụng xe mô tô để cướp giật đã là hành vi rất nguy hiểm nhưng bị cáo lại chở theo con nhỏ phía trước và đã nhìn thấy rõ bị hại cũng có chở theo con nhỏ phía sau mà bị cáo vẫn thực hiện hành vi, bất chấp sự nguy hiểm đó. Bên cạnh đó, bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản mặc dù đã được xóa tiền sự, nhưng điều đó chứng minh rằng bị cáo đã nhận thức rất rõ về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Tuy nhiên, về phía bị hại lại không cảnh giác, lơ là trong việc tự bảo quản tài sản của mình là điều kiện để bị cáo thực hiện hành vi của mình. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cân nhắc các tình tiết này.

[7] Căn cứ vào các quy định pháp luật, các yếu tố nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi của bị cáo. HĐXX thấy rằng cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tù, cách ly ra khỏi xã hội trong một thời gian để đảm bảo tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và đảm bảo sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, HĐXX quyết định xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

[8] Về hình phạt bổ sung:

HĐXX thấy rằng, bị cáo không nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng vụ án:

HĐXX thấy rằng, xe mô tô biển kiểm soát số 52X-9367, nhãn hiệu GUIDA, màu đen, số máy FMH-048217, số khung UM5X-048217 do ông M mua tại cửa hàng Minh Quân. Việc bị cáo Ng mượn xe mô tô này của ông M để thực hiện việc phạm tội ông M hoàn toàn không biết. Việc mua bán xe được các bên thừa nhận nhưng chưa sang tên quyền sở hữu và cũng không có ai tranh chấp đối với xe mô tô này. Do đó, HĐXX trả lại cho ông M 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát số 52X-9367, nhãn hiệu GUIDA, màu đen, số máy FMH-048217, số khung UM5X-048217 do bà Trần Thị Hương đứng tên và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Thị Hương của xe 52X2-9367 là phù hợp, trường hợp sau này có tranh chấp quyền sở hữu xe thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

Đối với số tiền 1.415.000đ, HĐXX thấy rằng, đây là tiền do phạm tội mà có bị cáo đã đưa cho bà Nguyễn Thị Tr 1.400.000đ để sử dụng, bà Nguyễn Thị Tr thừa nhận có nhận tiền này từ bị cáo và đồng ý nộp vào ngân sách nhà nước. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị Tr nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 1.400.000đ, số tiền còn lại là 15.000đ bị cáo đã sử dụng riêng do đó buộc bị cáo nộp vào

ngân sách nhà nước số tiền 15.000đ này là phù hợp.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

HĐXX thấy rằng, bị cáo đã bồi thường cho bị hại với số tiền là 1.000.000đ và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm; đối với số tiền 1.000.000đ bà Tr đã đưa cho bị hại để bồi thường thay cho bị cáo Ng, bà Tr không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[11] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Ng phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thảo Ng (Heo) phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

Căn cứ vào:

- Điều 106; Điều 292; Điều 293; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 38; Điều b khoản 1 Điều 47; Điều 48; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thảo Ng (Heo) 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho ông Nguyễn Thanh M 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát số 52X-9367, nhãn hiệu GUIDA, màu đen, số máy FMH-048217, số khung UM5X-048217 (xe không chìa khóa, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Thị Hương của xe 52X2-9367.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/01/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Buộc bà Nguyễn Thị Tr nộp 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thảo Ng nộp 15.000đ (Mười lăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thị Thảo Ng phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án

phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; đối với người có mặt tính kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan;
- Công an H.Châu Phú;
- VKSND H.Châu Phú;
- TAND T.An Giang;
- Sở Tư pháp T.An Giang;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Lưu HS – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Hòa